

Số 3869-QĐ/VPTW

QUY ĐỊNH

**Về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước
và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ
tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Căn cứ Quyết định số 171-QĐ/TW, ngày 16/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 07/2014/QĐ-TTg, ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Trung ương Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng; Thông tư số 09/2014/TT-BCA(A81), ngày 21/02/2014 của Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Trung ương Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-TTg, ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Tài chính;

- Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính và Quản lý đầu tư,

Chánh Văn phòng Trung ương Đảng ban hành Quy định về công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Quy định này hướng dẫn việc công khai ngân sách và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Phạm vi công khai theo quy định tại Điểm 1.1, Khoản 1 Điều này không bao gồm những khoản chi có yêu cầu bảo mật cao, số liệu và báo cáo thuyết minh thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật của Văn phòng Trung ương Đảng; các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ trực thuộc tỉnh uỷ. Những khoản thu, chi có yêu cầu bảo mật cao do Văn phòng Trung ương Đảng, ban thường vụ cấp uỷ các cấp quyết định nội dung, thời điểm, hình thức công khai và đối tượng tiếp nhận thông tin công khai, đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Văn phòng Trung ương Đảng; các cơ quan đảng ở Trung ương.

2.2. Văn phòng các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là văn phòng tỉnh uỷ) và các cơ quan đảng ở tỉnh uỷ, thành uỷ; văn phòng các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ trực thuộc tỉnh, thành phố (sau đây gọi là văn phòng huyện uỷ).

2.3. Đơn vị sự nghiệp của Đảng.

Điều 2. Nguyên tắc công khai

1. Công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin theo Quy định này.
2. Bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật của Đảng theo quy định.

Chương II

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH, CÁC QUỸ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP

Điều 3. Nội dung công khai

1. Đối với ngân sách nhà nước

1.1. Công khai dự toán ngân sách

a) Đối với đơn vị dự toán ngân sách cấp trên

- Công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước, kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung (nếu có) được cấp có thẩm quyền giao; nguồn kinh phí khác và phân bổ cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc (trong đó có dự toán của đơn vị mình trực tiếp sử dụng), các đơn vị được uỷ quyền (phần kinh phí uỷ quyền - nếu có) (theo Biểu số 1 ban hành kèm theo Quy định này).

- Công khai các căn cứ, nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán ngân sách.

b) Đối với đơn vị sử dụng ngân sách

Công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước, kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (theo Biểu số 2 ban hành kèm theo Quy định này).

1.2. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm).

a) Đối với đơn vị dự toán ngân sách cấp trên

- Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt.

- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt (theo Biểu số 3 ban hành kèm theo Quy định này).

b) Đối với đơn vị sử dụng ngân sách

- Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt.

- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt (theo Biểu số 3 ban hành kèm theo Quy định này).

1.3. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước

a) Đối với đơn vị dự toán ngân sách cấp trên

- Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước (theo Biểu số 4, 5 ban hành kèm theo Quy định này).

b) Đối với đơn vị sử dụng ngân sách

- Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước (theo Biểu số 4, 5 ban hành kèm theo Quy định này).

2. Đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng, ngoài thực hiện công khai các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 3 (nếu có) còn thực hiện công khai tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước, trích lập và sử dụng các quỹ của đơn vị (theo Biểu số 6 ban hành kèm theo Quy định này).

Điều 4. Trách nhiệm công khai

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện công khai những nội dung quy định tại Điều 3 Quy định này.

- Đối với các nội dung công khai quy định tại Điểm 1.1 và Điểm 1.3, Khoản 1, Điều 3, người đứng đầu cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách ban hành quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này).

- Đối với các nội dung công khai quy định tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 3, người đứng đầu cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách phê duyệt và công bố công khai ngân sách (theo Biểu số 3 ban hành kèm theo Quy định này).

- Đối với các nội dung công khai quy định tại Khoản 2, Điều 3, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phê duyệt và công bố công khai (theo Biểu số 6 ban hành kèm theo Quy định này).

Điều 5. Hình thức công khai

Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 3 Quy định này được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với đơn vị có cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.

Điều 6. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền giao đầu năm và điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có).

2. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 6 tháng phải được công khai chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 6 tháng.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp.

4. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách

1. Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm gửi tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán theo Quy định này cho đơn vị dự toán cấp trên

hoặc gửi cơ quan tài chính cùng cấp (trường hợp không có đơn vị dự toán cấp trên). Thời gian gửi cùng thời điểm công bố công khai của đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương có đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc có trách nhiệm:

2.1. Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

2.2. Tổng hợp và báo cáo tình hình công khai ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy định này).

2.3. Gửi Văn phòng Trung ương Đảng:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách đã được phê duyệt theo Quy định này. Thời gian gửi cùng thời gian thực hiện công bố công khai.

- Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách theo quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2 Điều này. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 31/5 hằng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 31/3 năm sau (đối với công khai quyết toán).

3. Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng tỉnh uỷ có trách nhiệm:

3.1. Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

3.2. Tổng hợp và báo cáo tình hình công khai ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc.

3.3. Gửi Bộ Tài chính đối với Văn phòng Trung ương Đảng, gửi Sở Tài chính đối với văn phòng tỉnh uỷ:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách đã được phê duyệt theo Quy định này và thời gian gửi cùng thời gian thực hiện công bố công khai.

- Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách theo quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2 Điều này. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 31/5 hằng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 31/10 năm sau (đối với công khai quyết toán).

Điều 8. Kiểm tra và giám sát thực hiện

1. Văn phòng Trung ương Đảng; cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương có đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện có vi phạm thì phải xử lý kịp thời hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2. Văn phòng tỉnh uỷ chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện có vi phạm thì phải xử lý kịp thời hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cấp huyện do cơ quan nhà nước bảo đảm kinh phí thì cơ quan tài chính nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách cấp huyện.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2019, được áp dụng từ năm ngân sách 2019 và thay thế Quy định số 1494-QĐ/BTCQTTW, ngày 28/12/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

2. Những quy định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam mà chưa thể hiện ở Quy định này thì được áp dụng những quy định đó để tổ chức thực hiện (nếu cần).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị gửi ý kiến bằng văn bản về Văn phòng Trung ương Đảng (qua Cục Tài chính và Quản lý đầu tư) để nghiên cứu, giải quyết.

CHÁNH VĂN PHÒNG
Đã ký: Nguyễn Văn Nên

(Mẫu số 01 ban hành kèm theo
Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019
của Văn phòng Trung ương Đảng)

Tên đơn vị dự toán ngân sách

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -QĐ/....

....., ngày... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm....
của (đơn vị dự toán ngân sách)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12 /2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ....;

- Xét đề nghị của....,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm... của... (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3..... và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp,
- Đơn vị dự toán cấp trên,
- Các đơn vị trực thuộc,
- Lưu đơn vị dự toán ngân sách.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(Mẫu số 02 ban hành kèm theo
Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019
của Văn phòng Trung ương Đảng)

Tên đơn vị dự toán ngân sách

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -BC/....

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi cơ quan tài chính cùng cấp/đơn vị dự toán cấp trên,

BÁO CÁO

về tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán)
ngân sách nhà nước năm.... của (đơn vị dự toán ngân sách)

(Đơn vị dự toán ngân sách) báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm.... theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam.

I- Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: ... (nêu cụ thể từng đơn vị)
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: ... (chi tiết theo biểu sau)

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc						
1	Đơn vị A						
2	Đơn vị....						
						

II- Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định

Nơi nhận:

- Như trên,
- Các đơn vị thuộc,
- Lưu đơn vị dự toán ngân sách.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Đơn vị:

Chương:

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM ...**

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Đơn vị ...	Đơn vị ...
I	Tổng số thu tại đơn vị				
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động				
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp				
3	Thu khác				
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán				
4.1					
4.2					
....					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
5.1					
5.2					
....					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
11.2				

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Đơn vị:

Chương:

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....
(Kèm theo Quyết định số -QĐ/....., ngày tháng năm, của)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu tại đơn vị	
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động	
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp	
3	Thu khác	
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán	
4.1		
4.2		
....		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5.1		
5.2		
....		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
11.2	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Đơn vị:

Chương:

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ (6 THÁNG/ CẢ NĂM)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực quý/ 6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu tại đơn vị				
1	Thu đăng phí được cân đối chi hoạt động				
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp				
3	Thu khác				
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán				
4.1					
4.2					
....					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
5.1					
5.2					
....					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
11.2				

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Đơn vị:

Chương:

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM ...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán số thu tại đơn vị					
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động					
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp					
3	Thu khác					
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán					
4.1						
4.2						
....						
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
5.1						
5.2						
....						
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
.....						
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
11.2					

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Đơn vị:
Chương:

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị A		Đơn vị ...	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán số thu tại đơn vị				
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động				
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp				
3	Thu khác				
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán				
4.1					
4.2					
....					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
5.1					
5.2					
....					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
11.2				

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

(Biểu số 6 Ban hành kèm theo
Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019
của Văn phòng Trung ương Đảng)

Đơn vị:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM ...
(Dùng cho đơn vị sự nghiệp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm trước	Thực hiện năm nay	So sánh số tuyệt đối	So sánh tỷ lệ %
A	B	1	2	3 = 2-1	4 = 2/1*100
I	Tình hình về vốn				
1	Số vốn đầu năm				
2	Tăng trong năm				
3	Giảm trong năm				
4	Số vốn cuối năm				
II	Tình hình về tài sản				
1	Giá trị tài sản đầu năm				
2	Giá trị tài sản tăng trong năm				
3	Giá trị tài sản giảm trong năm				
4	Giá trị tài sản cuối năm				
III	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Doanh thu				
2	Chi phí				
3	Chênh lệch thu - chi				
IV	Thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước				
1	Số còn phải nộp đầu năm				
2	Số phải nộp trong năm				
3	Số đã nộp				
4	Số còn phải nộp cuối năm				
V	Thực hiện nghĩa vụ cấp trên				
1	Số còn phải nộp đầu năm				
2	Số phải nộp trong năm				
3	Số đã nộp				
4	Số còn phải nộp cuối năm				
VI	Tình hình thực hiện các quỹ				
1	Quỹ khen thưởng				
1.1	Số dư đầu năm				
1.2	Số tăng trong năm				
1.3	Số giảm trong năm				
1.4	Số cuối năm				
2	Quỹ.....				
2.1	Số dư đầu năm				
2.2	Số tăng trong năm				
2.3	Số giảm trong năm				
2.4	Số cuối năm				
3	Quỹ.....				

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên